

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2022/DSPT**

Ngày: 20/4/2022

V/v tranh chấp: “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở thực hiện QSD đất  
và BTTH về tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Thẩm phán:*

1. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Thúc**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **13** và ngày **20** tháng **4** năm **2022**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLPT-DS ngày 23/02/2021 về tranh chấp: “Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở thực hiện QSD đất và BTTH về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 263/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 67/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh **Võ Văn L**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: số 272, tổ 8, ấp LT, xã LH, huyện CT.

\* *Bị đơn:* Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1934 (có mặt).

Địa chỉ: số 277, tổ 8 ấp LT, xã LH, huyện CT

*Người đại diện theo ủy quyền:* anh **Võ Minh C**, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1937 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT.

2. Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, phường T, Quận Y, TP.Hồ Chí Minh.

3. Bà **Võ Thị Bé T1**, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT.

4. Bà **Võ Thị Bé N1**, sinh năm 1967 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện HN, Đồng Tháp.

5. Anh **Võ Văn K**, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT.

6. Chị **Võ Thị P**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện CT, Tiền Giang.

7. Anh **Võ Văn H**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường N, Phường I, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Chị **Võ Thị N2**, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã LH, huyện CT.

9. Chị **Phạm Thị H1**, sinh năm 1963 (xin vắng mặt)

10. Chị **Võ Thị An K1**, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

11. Chị **Võ Thị Anh T2**, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)

12. Chị **Võ Thị Trúc N3**, sinh năm 2000. (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố M, phường T, Q.BT, TP.Cần Thơ.

\* *Người kháng cáo*: Bị đơn Võ Văn M.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm;

\* *Nguyên đơn anh Võ Văn L trình bày*:

Cha anh là ông Võ Văn N được đứng tên phần đất có diện tích 2.120m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2007, ông Võ Văn M có tranh chấp với ông N đòi 748,7m<sup>2</sup> đất, (thuộc một phần trong phần đất 2.120m<sup>2</sup> này). Kết quả xét xử phúc thẩm Tòa án bác yêu cầu của ông M.

Năm 2019, ông Võ Văn N chết, thì anh là người quản lý canh tác phần đất này. Trong quá trình quản lý, ông M ngăn cản không cho anh thu hoạch dừa, tất cả dừa do ông M thu hoạch trên phần đất 748,7m<sup>2</sup>. Ngày 06/3/2020 anh tiến hành cấm trụ, kéo hàng rào lưới B40 thì ông M ngăn cản.

Nay anh yêu cầu ông M chấm dứt hành vi cản trở việc anh rào phần đất 2.120m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 2.395,4m<sup>2</sup>), tọa lạc tại ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Đồng thời yêu cầu ông M bồi thường số dừa đã thu hoạch với số tiền 1.000.000 đồng.

\* *Bị đơn ông Võ Văn M trình bày*:

Việc ông bị Tòa án xử bác yêu cầu vì trước đây ông chưa được cấp chủ quyền. Năm 2016 ông được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 9.310m<sup>2</sup>, trong đó có 748,7m<sup>2</sup> đất này. Do đó, nay ông không đồng ý theo yêu cầu của anh L.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Bé T1, và Võ Thị Bé N1, anh Võ Văn K, chị Võ Thị P, anh Võ Văn H, chị Võ Thị N2, chị Phan Thị H1, chị Võ Thị An K2, chị Võ Thị Anh T2 và chị Võ Thị Trúc N3 thống nhất yêu cầu của anh L.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 263/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 10 Điều 12 Luật đất đai; Điều 164, 169 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc ông Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở việc anh Võ Văn L rào phần đất có diện tích 2.395,4m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Đất có tứ cận:

- + Đông giáp đất ông Võ Văn M
- + Tây giáp đất Huỳnh Công H
- + Nam giáp đất Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T
- + Bắc giáp đất ông Võ Văn M

(có sơ đồ kèm theo)

Phần đất này thuộc thửa đất số 1586, tờ bản đồ số 1, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số 0013942.QSDĐ/LH, do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp ngày 24/5/1997 cho ông Võ Văn N.

- Buộc ông Võ Văn M hoàn trả 1.000.000 đồng tiền thu hoạch dũa cho anh Võ Văn L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

\* Ngày 14 tháng 9 năm 2020, bị đơn Võ Văn M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xác định phần diện tích đất tranh chấp 715,4m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông và ông không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại dũa cho ông Võ Văn L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phân tích cho rằng: Phần diện tích đất tranh chấp 784,7m<sup>2</sup> có diện tích đất đo đạc thực tế là 715,4m<sup>2</sup> nằm trong thửa 1587 diện tích 9.310m<sup>2</sup> là của ông M. Ông N nói ông N được ông X và bà C cho phần diện tích đất này nhưng không có gì chứng minh. Ông M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông M cũng đã cung cấp cho Tòa án bản trích lục ngày 09/10/2008 của Trung tâm thông tin Tài nguyên Môi trường tỉnh Tiền Giang và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp tại thửa 1587 có diện tích 9.310m<sup>2</sup> có phần đất diện tích 715,4m<sup>2</sup> là của ông M. Do ông M ở chung với ông X và bà C nên ông X, bà C cho ông M kê khai theo Chi thị 299. Vào năm 2001, 2002 phía nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế nhưng sau đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện do hết thời hiệu

khởi kiện. Tài liệu chứng cứ thể hiện Sở Tài nguyên và Môi trường thể hiện ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT giao Tòa án huyện CT xét xử lại.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cần xác định diện tích 748,7m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 715,4m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ai. Tòa án sơ thẩm phải hướng dẫn ông M làm thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện phản tố theo điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự, trừ trường hợp ông M có văn bản thể hiện không có yêu cầu khởi kiện phản tố. Do thiếu sót trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện CT vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ diện tích 748,7m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 715,4m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng của ai. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CT đã cấp cho ông Võ Văn N tại bản án dân sự sơ thẩm 157 ngày 31/5/2007 và bản án dân sự phúc thẩm số 549 ngày 15/10/2007 giải quyết là chưa khách quan. Về đánh giá thu thập chứng cứ: ông Võ Văn N được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0013942 ngày 24/5/1997 đến năm 2019 ông N chết. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định di sản là 2.120m<sup>2</sup> tại thửa đất số 1586, tờ bản đồ 01 tọa lạc tại ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang có được chia thừa kế theo di chúc hay pháp luật hay không? Ông Võ Văn L có phải là người được hưởng di sản hay không? Ngoài ông L ra còn những ai là hàng thừa kế của ông N hay không để tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng lại nhận định sau khi ông N chết thì con ông N là ông L hưởng huê lợi trên đất là đúng quy định pháp luật là chưa có căn cứ. Trong quá trình sử dụng đất có sự biến động về diện tích cụ thể Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I774962, thì ông N được cấp với diện tích đất là 2.120m<sup>2</sup> đo đạc thực tế là 2.395,4m<sup>2</sup> tăng 275,4m<sup>2</sup> thì Tòa án nhận định trong tổng diện tích đất có 02 phần ông N mua của ông Tót là 1.680m<sup>2</sup> và phần đất ông M tranh chấp với ông N trước đây là 715,4m<sup>2</sup> thống nhất phần diện tích đất dư ra là 275,4m<sup>2</sup> nằm trong phần đất của ông N mua của ông Tót. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông M chấm dứt hành vi cản trở phần đất có diện tích là 2.395,4m<sup>2</sup> tính cả phần đất dư là 275,4m<sup>2</sup> là chưa đủ cơ sở. Trường hợp này cần tiến hành xác minh tại cơ quan có thẩm quyền có ý kiến về phần diện tích đất tăng thêm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp. Phần đất này đã cấp thuộc quyền sở hữu của ai, phần đất tăng thêm là do sơ sót trong đo đạc hay do người sử dụng lấn chiếm có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không? Tòa án chỉ căn cứ vào lời trình bày của đương sự nên đánh giá chứng cứ chưa toàn diện. Việc nhận định thu thập tài liệu chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quy định tại Chương VII Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT để xét xử lại theo thủ tục chung.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Võ Văn M thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ, Võ Văn T, Võ Thị Bé N1, Võ Thị P, Võ Thị Bé T1, Võ Thị N2, Võ Văn H, Phan Thị H1, Võ Thị Trúc N3, Võ Thị An K2, Võ Thị An T2 có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn M và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Năm 1990, ông Võ Văn N được UBND huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy tạm) 05 thửa có tổng diện tích 12.147m<sup>2</sup>, trong đó có thửa 594, diện tích 2.165m<sup>2</sup> đất thổ quả. Năm 1997, ông Võ Văn N được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0013942.QSDĐ/LH ngày 24/5/1997 gồm 05 thửa với tổng diện tích là 13.270m<sup>2</sup> tại ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, trong đó có thửa 1586 diện tích 2.120m<sup>2</sup> loại đất Q.

[2.2] Năm 2007, ông Võ Văn M khởi kiện ông Võ Văn N và bà Võ Thị Cui tại Tòa án nhân dân huyện CT, theo đó ông Võ Văn M yêu cầu ông Võ Văn N trả lại diện tích đất 748,7m<sup>2</sup>; yêu cầu bà Võ Thị Cui trả lại diện tích đất ruộng là 1.240m<sup>2</sup> và phần đất vườn là 1.220m<sup>2</sup>. Tại văn bản không số ngày 07/12/2006 của Ủy ban nhân dân xã Long Hưng xác định “Đất ông Võ Văn N, phần mục kê 299: số thửa 594 diện tích 2.165m<sup>2</sup> đất 1V do ông Võ Văn N đứng tên. Phần mục kê 364: thửa 1586 diện tích 2.120m<sup>2</sup>. Bản án dân sự thẩm số 157/2007/DSST ngày 31/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện CT và bản án dân sự phúc thẩm số 549/2007/DSPT ngày 15/10/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M.

[2.3] Năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00155 ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đánh đổi với thửa 1587 diện tích 9.310m<sup>2</sup>.

Năm 2019, ông Võ Văn N chết, anh Võ Văn L (con của ông Võ Văn N) là người trực tiếp quản lý, canh tác thửa 1586 diện tích 2.120m<sup>2</sup> loại đất Q tiến hành làm hàng rào thì ông Võ Văn M ngăn cản. Anh Võ Văn L khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất và yêu cầu ông Võ Văn M bồi thường thu hoạch dựa với số tiền 1.000.000 đồng. Ông Võ Văn M không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng phần diện tích đất tranh chấp 715,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 1587 diện tích 9.310m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00155 ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho ông và bà Nguyễn Thị Đánh.

[2.4] Theo bản vẽ hiện trạng thửa đất ngày 24/7/2020 của Công ty TNHH Tài nguyên và môi trường INCOM thể hiện thửa 1586 có diện tích đo đạc thực tế là 2.395,4m<sup>2</sup> (bút lục 87) gồm 02 phần: phần diện tích 1.680m<sup>2</sup> và phần diện tích tranh chấp 715,4m<sup>2</sup>.

[2.5] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn L và ông Võ Văn M đều thống nhất nguồn gốc phần diện tích đất tranh chấp hiện nay 715,4m<sup>2</sup> là phần diện tích đất tranh chấp 748,7m<sup>2</sup> giữa ông Võ Văn M và ông Võ Văn N đã được Tòa án giải quyết trước đây. Ông Võ Văn N chết, anh Võ Văn L là người trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã đưa hàng thừa kế của ông Võ Văn N gồm Nguyễn Thị Đ, Võ Văn T, Võ Thị Bé N1, Võ Thị P, Võ Văn K, Võ Thị Bé T1, Võ Thị N2, Võ Văn H,

Phan Thị H1, Võ Thị Trúc N3, Võ Thị An K2 và Võ Thị An T2 vào tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đồng thừa kế của ông Võ Văn N thống nhất yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn L và không tranh chấp thừa kế đối với thửa 1586. Tại văn bản số 24/UBND-VP ngày 10/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã Long Hưng xác định thửa 1587 diện tích 9.310m<sup>2</sup> không bao gồm phần diện tích 748,7m<sup>2</sup> (bút lục 36). Mặc khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2007 của Tòa án nhân dân huyện CT, ông Võ Văn M trình bày “*phần diện tích 724m<sup>2</sup> đất vườn do ông Võ Văn N quản lý, canh tác và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” và phiên tòa sơ thẩm ngày 08/9/2020, anh Võ Minh C, đại diện theo ủy quyền của bị đơn Võ Văn M cũng thừa nhận phần diện tích 748,7m<sup>2</sup> nằm trong phần diện tích 2.120m<sup>2</sup> (bút lục 138-141) và anh Võ Văn Chí cũng thừa nhận số tiền thu hoạch dựa trên phần diện tích 748,7m<sup>2</sup> là 1.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Văn L, buộc ông Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở anh Võ Văn L thực hiện quyền sử dụng đối với thửa đất 1586 là di sản thừa kế của Võ Văn N để lại và bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 1.000.000 đồng, là có căn cứ. Tuy nhiên, phần quyết định của cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, thiếu người thừa kế của ông Võ Văn N, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án trong phần quyết định cho đầy đủ, chính xác.

[3] Ông Võ Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích đất tranh chấp 715,4m<sup>2</sup> thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông và không đồng ý bồi thường thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng. Xét, trong giai đoạn phúc thẩm, ông Võ Văn M yêu cầu Tòa án phối hợp Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện CT tiến hành đo đạc thửa 1587 của ông, nhưng do ông Võ Văn M không thống nhất ranh giới thửa đất với các hộ giáp ranh, nên không tiến hành đo đạc để xác định diện tích thực tế của thửa 1587, do đó ông Võ Văn M cho rằng phần diện tích 715,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 1587, là không có căn cứ. Mặc khác, bản án dân sự sơ thẩm số 157/2007/DSST ngày 31/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện CT và bản án dân sự phúc thẩm số 549/2007/DSPT ngày 15/10/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M về việc yêu cầu ông Võ Văn N trả phần diện tích 748,7m<sup>2</sup>. Các bản án đều đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Võ Văn M không phù hợp, nên không chấp nhận.

[5] Như đã phân tích trên, đây là vụ án tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền sử dụng đất, không phải quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất, nên không cần thiết đưa Ủy ban nhân dân huyện vào tham gia tố tụng. Các đồng thừa kế của ông Võ Văn N không tranh chấp thừa kế, nên không cần thiết làm rõ các đề nghị của đại diện VKS về di sản thừa kế, người hưởng thừa kế, thừa kế theo di chúc hay theo pháp luật..., đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tiền Giang, là không có căn cứ.

[6] Về án phí: Ông Võ Văn M là người cao tuổi, nhưng không có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Võ Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 10 Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013; các Điều 164, 169, 584, 585, 589, 651 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 263/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Buộc ông Võ Văn M chấm dứt hành vi cản trở việc anh Võ Văn L và những người thừa kế của ông Võ Văn N gồm bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Bé N1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn K, bà Võ Thị Bé T1, bà Võ Thị N2, bà Võ Văn H, bà Phan Thị H1, chị Võ Thị Trúc N3, chị Võ Thị An K2 và Võ Thị An T2 xây dựng hàng rào thửa 1586 diện tích 2.120m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế có diện tích 2.395,4m<sup>2</sup>) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0013942.QSDĐ/LH ngày 24/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho ông Võ Văn N, tại ấp LT, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Đất có tứ cận:

- + Đông giáp đất ông Võ Văn M;
- + Tây giáp đất Huỳnh Công H;
- + Nam giáp đất Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn T;
- + Bắc giáp đất ông Võ Văn M.

(có sơ đồ kèm theo)

- Buộc ông Võ Văn M hoàn trả cho anh Võ Văn L và người thừa kế của ông Võ Văn N gồm bà Nguyễn Thị Đ, ông Võ Văn T, bà Võ Thị Bé N1, bà Võ Thị P, ông Võ Văn K, bà Võ Thị Bé T1, bà Võ Thị N2, bà Võ Văn H, bà Phan Thị H1, chị Võ Thị Trúc N3, chị Võ Thị An K2 và Võ Thị An T2 số tiền thu hoạch dựa là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Võ Văn M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003163 ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 600.000 đồng.

Hoàn lại anh Võ Văn L số tiền 443.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002826 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Án tuyên vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 20 tháng 4 năm 2022, có mặt anh L, anh Khanh, ông M và anh Chí, vắng mặt luật sư Thạnh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện CT;
  - Chi cục THADS huyện CT;
  - Các đương sự;
  - Đăng công thông tin điện tử;
  - Lưu hồ sơ, án văn.
- DSPT-2022-Tâm

**Lê Thị Hồng Tâm**